

Techcombank (TCB)

Hưởng lợi từ chính sách

10/09/2026

Chuyên viên phân tích Vũ Diệu Hà
(+84) 24-7303-5333 havd2@kbsec.com.vn

Tăng trưởng tín dụng ở mức cao nhờ hưởng lợi từ chính sách

Chúng tôi nâng dự phóng tăng trưởng tín dụng của ngân hàng trong giai đoạn 2026F-2028F lên khoảng 18-19% nhờ (1) hưởng lợi từ chính sách nới tín dụng đối với các dự án hạ tầng trọng điểm, (2) mối quan hệ chiến lược với các nhà thầu lớn, và (3) chủ động đa dạng nguồn huy động để đáp ứng nhu cầu tín dụng.

Áp lực lên NIM quay trở lại trong 2026

Với luận điểm ngân hàng sẽ đẩy mạnh cho vay các dự án hạ tầng thuộc chủ trương của Chính phủ và mặt bằng lãi suất đang neo ở mức cao, chúng tôi cho rằng NIM sẽ tiếp tục chịu áp lực trong năm 2026, trước khi cải thiện dần trong các năm tiếp theo khi áp lực lãi suất hạ nhiệt và thu nhập lãi từ các khoản vay thuộc chính sách Flexible Pricing sẽ được thu hồi.

Chất lượng tài sản suy giảm nhẹ trong 2H2026

Chất lượng tài sản dự kiến suy giảm nhẹ, phản ánh môi trường lãi suất neo cao gây áp lực lên danh mục bán lẻ của ngân hàng. Chúng tôi nâng dự phóng đối với tỷ lệ NPL lên thêm 10bps so với báo cáo kỳ trước và nâng nhẹ chi phí dự phòng với kỳ vọng ngân hàng sẽ tiếp tục duy trì bộ đệm an toàn ở mức cao.

Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu 38,750 VNĐ/CP

Dựa trên triển vọng kinh doanh của ngân hàng cũng như đánh giá các yếu tố rủi ro, chúng tôi tiếp tục duy trì khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu TCB với giá mục tiêu 38,750 VNĐ/CP - tiềm năng tăng giá 19.7% so với giá đóng cửa ngày 09/09/2026.

MUA Duy trì

Giá mục tiêu	VND 38,750
Tăng/giảm (%)	19.7%
Giá hiện tại (09/09/2026)	VND 32,400
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 39,719
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	226.1/8.7

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	55%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	572.7/22.1
Sở hữu nước ngoài (%)	20.8%
Cổ đông lớn	MSN (14.8%)

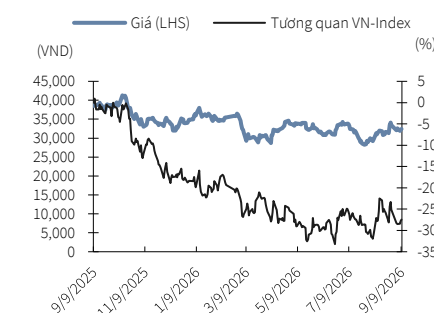
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	3.3	2.2	6.9	-14.7
Tương đối	0.5	0.7	0.3	-27.2

Dự phóng KQKD & định giá

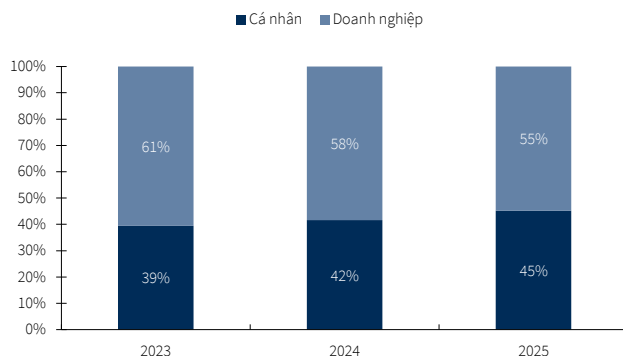
FY-end	2024	2025	2026F	2027F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VNĐ)	35,508	38,155	43,673	52,199
LN trước CF DPRRTD (tỷ VNĐ)	31,621	36,959	43,261	51,599
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VNĐ)	21,523	25,290	29,784	35,846
EPS (đồng/cổ phiếu)	3,046	3,569	4,203	5,059
Tăng trưởng EPS (%YoY)	-40	17	18	20
PER (x)	9.5	9.1	7.7	6.4
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	20,940	25,331	28,834	33,193
PBR (x)	1.4	1.3	1.1	1.0
ROE (%)	15.6	15.9	15.9	16.7
Tỷ suất cổ tức (%)	4.6	1.5	1.1	1.1

Nguồn: Fiinpro, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Cấu trúc tín dụng 2025



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Hoạt động kinh doanh

Techcombank được thành lập từ năm 1993 và hiện đang là một trong những ngân hàng TMCP lớn thứ 2 trong nhóm NHTMCP lớn (theo cách phân chia dựa trên tổng tài sản của KBSV) với quy mô tổng tài sản tính đến hết 2025 đạt 1,192 nghìn tỷ đồng.

Danh mục cho vay của TCB chủ yếu là các DN lớn và các khoản vay mua nhà chiếm tỷ trọng cao ở phân khúc khách hàng cá nhân. Tỷ trọng cho vay với lĩnh vực BĐS cao nhất ngành, chiếm khoảng 60-70% tổng tín dụng.

Điểm nhấn đầu tư

Tăng trưởng tín dụng 2026F-2028F ở mức cao nhờ hưởng lợi từ chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng.

Thu nhập ngoài lãi đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng lợi nhuận, bù đắp cho sự suy giảm của NIM.

Chú thích

Chi tiết ở phần dưới của báo cáo

Tham khảo trong báo cáo kỳ trước [tại đây](#)

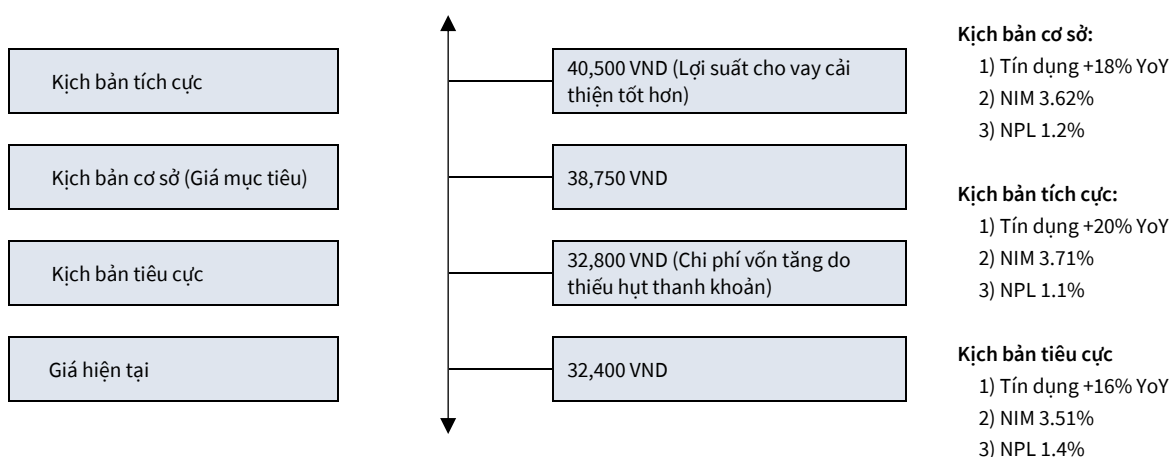
Dự phóng kết quả kinh doanh

(tỷ VND)	Dự phóng của KBSV		Thay đổi với kỳ trước		Dự phóng đồng thuận*		Chênh lệch	
	2026E	2027E	2026E	2027E	2026E	2027E	2026E	2027E
Thu nhập lãi thuần (NII)	43,673	52,199	0%	0%	42,741	49,242	2%	6%
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	62,315	74,112	2%	3%	61,224	72,220	2%	3%
LNST ngân hàng mẹ	29,784	35,846	2%	3%	29,300	35,138	2%	2%

Nguồn: Bloomberg, KBSV ước tính

*Dự phóng đồng thuận: là dự phóng trung bình của các CTCK được Bloomberg tổng hợp và tính toán

Quan điểm định giá



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Thiết lập kỳ lục mới về kết quả kinh doanh

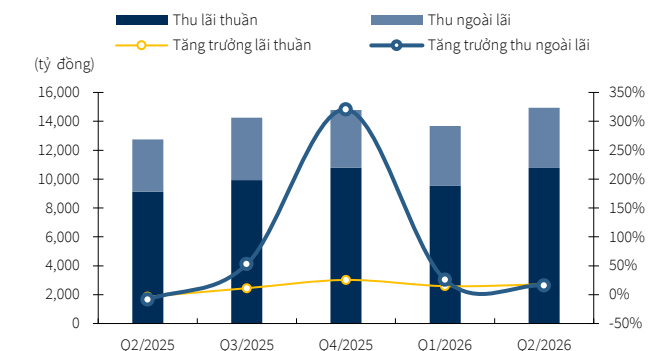
Tăng trưởng tín dụng hợp nhất vượt trội (15.2% YTD) nhờ các khoản cho vay đầu tư hạ tầng và nhà ở xã hội được loại trừ khỏi hạn mức tín dụng, qua đó giúp thu nhập lãi thuần đạt mức kỷ lục 10,763 tỷ đồng (+17.8% YoY). Thu nhập ngoài lãi cũng tăng trưởng tích cực nhờ hoạt động bancassurance và thanh toán & tài trợ thương mại, qua đó hỗ trợ tổng thu nhập hoạt động (TOI) tăng 17.3% YoY. Chi phí trích lập tiếp tục giảm trong quý này (-35.7% YoY, -30.3% QoQ), hỗ trợ cho LNTT đạt 9,670 tỷ đồng (+22.4% YoY).

Bảng 1. Cập nhật Kết quả kinh doanh

(tỷ VNĐ)	Q2/2025	Q1/2026	Q2/2026	+/-YoY	+/-QoQ	Chú thích
Thu nhập lãi thuần	9,137	9,522	10,763	17.8%	13.0%	Thu nhập lãi thuần ghi nhận tăng trưởng tốt so với cùng kỳ nhờ tăng trưởng tín dụng vượt bậc, bù đắp cho sự thu hẹp của NIM.
Thu nhập ngoài lãi	3,606	4,152	4,179	15.9%	0.6%	Thu từ phí dịch vụ đi ngang so với quý trước, tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ. Trong đó, điểm sáng đến từ thu nhập hoạt động dịch vụ tăng trưởng ấn tượng 73.8% YoY, tiếp tục được đóng góp bởi mảng bảo hiểm (+137% YoY) và dịch vụ thanh toán và tài trợ thương mại (+147% YoY). Ngược lại, thu nhập ngoài lãi khác bao gồm kinh doanh ngoại hối và kinh doanh chứng khoán ghi nhận lợi nhuận kém khả quan.
Tổng thu nhập hoạt động	12,743	13,674	14,942	17.3%	9.3%	
Chi phí hoạt động	(3,831)	(3,869)	(4,620)	20.6%	19.4%	Chi phí hoạt động tăng nhanh hơn tổng thu nhập hoạt động, chủ yếu do đầu tư trang thiết bị và đẩy mạnh marketing.
CIR	30.1%	28.3%	30.9%	+0.8ppts	+2.6ppts	
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(1,014)	(935)	(652)	-35.7%	-30.3%	Tỷ lệ bao phủ nợ xấu tiếp tục duy trì ở mức cao, cùng với chất lượng tài sản được kiểm soát tốt là cơ sở giúp ngân hàng cắt giảm chi phí tín dụng, hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận.
LNTT	7,899	8,870	9,670	22.4%	9.0%	
LNST	6,348	6,950	7,727	21.7%	11.2%	
Tăng trưởng tín dụng (YTD)	11.11%	3.57%	15.21%			Tăng trưởng tín dụng hợp nhất ở mức vượt trội so với trung bình các NHTM niêm yết (9.2% YTD), trong đó tăng trưởng tín dụng riêng lẻ không bao gồm các khoản cho vay được loại trừ khỏi hạn mức tín dụng đạt 11.6% YTD. Động lực tăng trưởng chính trong 1H2026 đến từ cho vay phân khúc KHDN, trong đó (1) mảng xây dựng tăng trưởng ấn tượng 56.3% YTD nhờ đẩy mạnh đầu tư các dự án hạ tầng và (2) mảng BĐS tăng mạnh trở lại sau quý 1 (+21% YTD). Đáng chú ý, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp tăng mạnh (+80.7% YTD) do một phần được đầu tư vào cuối quý 2 nhưng chưa kịp phân phối.
Tăng trưởng huy động (YTD)	6.03%	-1.13%	6.39%			Tăng trưởng huy động đảo chiều tích cực so với quý trước, chủ yếu nhờ tiền gửi khách hàng tăng 7% YTD (+10.1bps QoQ) và nguồn huy động từ thị trường 2 tăng 13.1%. Ngược lại, hoạt động phát hành GTCC đã chậm lại trong 1H2026 (-1.5% YTD), trái ngược với xu hướng huy động toàn ngành.
NIM	3.79%	3.41%	3.70%	-9bps	+29bps	NIM cải thiện đáng kể so với quý trước nhờ điều chỉnh lãi suất và tối ưu hóa danh mục tín dụng giúp cải thiện lợi suất sinh lời, trong khi tỷ lệ CASA phục hồi 2.4ppts QoQ giúp kiềm chế đà tăng của chi phí vốn. Dù vậy, trong bối cảnh lãi suất huy động tăng cao, NIM vẫn ở mức thấp hơn so với cùng kỳ.
NPL	1.26%	1.09%	1.08%	-17bps	0bps	Tỷ lệ nợ xấu vẫn được kiểm soát tốt trong quý này khi giá trị nợ xấu chỉ tăng nhẹ 5.4% QoQ, đóng góp chủ yếu bởi nợ nhóm 4 tăng mạnh 35.3% QoQ.

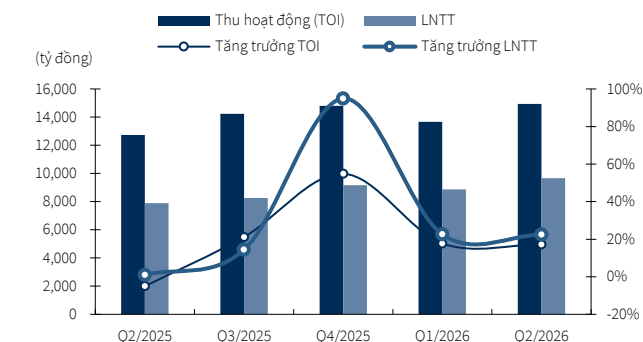
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 2. Tăng trưởng lãi thuần và thu ngoài lãi theo quý



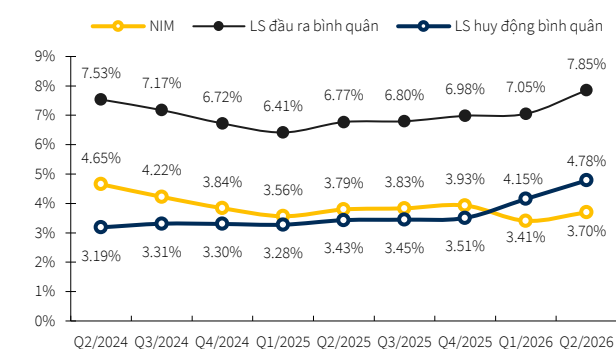
Nguồn: TCB, KBSV

Biểu đồ 3. Tăng trưởng TOI và LNTT



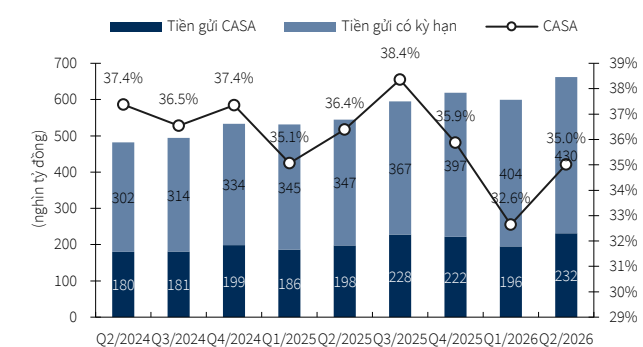
Nguồn: TCB, KBSV

Biểu đồ 4. Biến động NIM theo quý



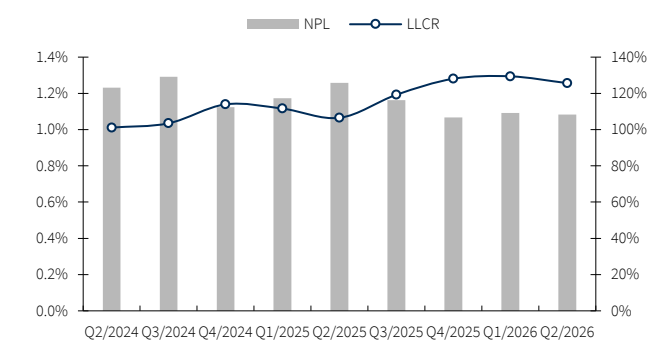
Nguồn: TCB, KBSV

Biểu đồ 5. Cơ cấu huy động



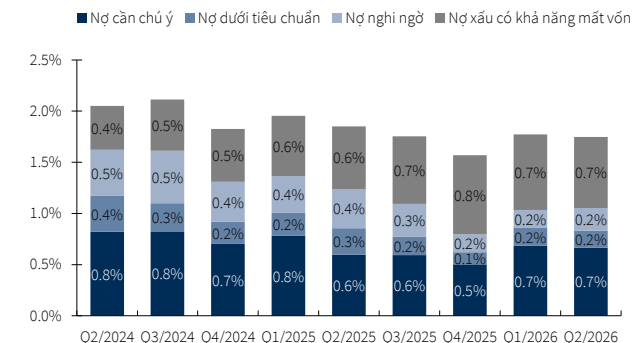
Nguồn: TCB, KBSV

Biểu đồ 6. Tỷ lệ nợ xấu (NPL) và bao phủ nợ xấu (LLCR)



Nguồn: TCB, KBSV

Biểu đồ 7. Tỷ trọng các nhóm nợ/tổng tín dụng



Nguồn: TCB, KBSV

Tăng trưởng tín dụng ở mức cao nhờ hưởng lợi từ chính sách

Chúng tôi nâng dự phóng tăng trưởng tín dụng của ngân hàng trong giai đoạn 2026F-2028F lên khoảng 18-19% nhờ:

- (1) Các chính sách loại trừ dư nợ của dự án trọng điểm khởi hạn mức tín dụng, cụ thể: (i) Công văn 4551/NHNN-CSTT đối với các dự án bất động sản khu công nghiệp và nhà ở xã hội (hiệu lực tới 31/12/2026); và (ii) Công văn 5386/NHNN-TD đối với 18 dự án hạ tầng trọng điểm (Theo kế hoạch, 85% nguồn vốn huy động dự kiến sẽ tập trung trong giai đoạn 2026-2028).
- (2) Mỗi quan hệ chiến lược chặt chẽ của ngân hàng đối với các chủ đầu tư, đặc biệt nhóm Vingroup và Masterise, qua đó có lợi thế trong việc tiếp cận các dự án hạ tầng trọng điểm nêu trên.
- (3) Ngân hàng đã chủ động xây dựng kế hoạch bổ sung nguồn huy động thông qua kênh offshore để đáp ứng nhu cầu vay. Trong 2026, ngân hàng đã thực hiện ký thỏa thuận vay vốn dài hạn 200 triệu EUR với EIB Global và đang đàm phán khoản vay hợp vốn offshore trị giá khoảng 1 tỷ USD. Đồng thời, chúng tôi cũng không loại trừ khả năng NHNN sẽ thực hiện bơm tái cấp vốn để hỗ trợ cho các dự án hạ tầng trong trường hợp thanh khoản hệ thống chưa cải thiện.

NIM dự báo giảm so với 2025

Chúng tôi hạ dự phóng NIM 2026 so với báo cáo kỳ, theo đó NIM 2026 giảm 11bps so với 2025, dựa trên các luận điểm sau:

- (1) Các dự án bất động sản ưu tiên và các dự án hạ tầng trọng điểm ước tính có biên sinh lời thấp hơn so với cho vay bất động sản thương mại thông thường.
- (2) Mặt bằng lãi suất huy động vẫn duy trì ở mức cao hơn so với kỳ vọng ban đầu của chúng tôi. Trong 2H2026, khi các khoản vay và tiền gửi sẽ tiếp tục được tái định giá theo mặt bằng lãi suất hiện tại, chúng tôi kỳ vọng NIM của ngân hàng sẽ được duy trì ở mức tương đương quý 2 (3.7%).

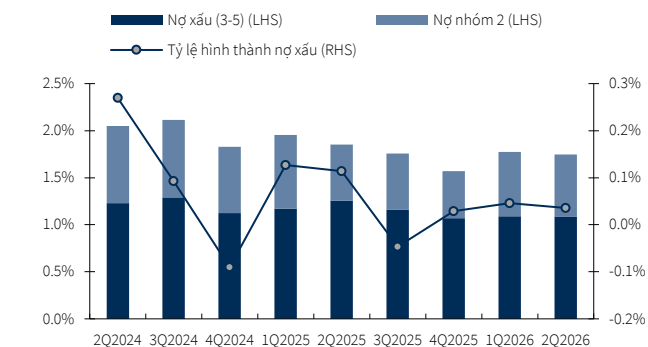
Cho hai năm tiếp theo NIM được kỳ vọng sẽ cải thiện dần về mức cuối năm 2025 nhờ (1) thanh khoản thị trường cải thiện, qua đó giúp mặt bằng lãi suất huy động có thể phần nào hạ nhiệt; và (2) ngân hàng dự kiến sẽ đẩy nhanh thu hồi gốc và lãi phần dư nợ thuộc chính sách Flexible Pricing trong 2027F-2028F.

Chất lượng tài sản dự kiến suy giảm trong 2H2026

Tỷ lệ hình thành nợ xấu trong 2Q2026 nhích nhẹ lên 0.04%, chất lượng các khoản vay KHDN tiếp tục được cải thiện (+3bps QoQ), qua đó bù đắp một phần sự suy giảm của chất lượng danh mục bán lẻ (+11bps QoQ) do nhóm này nhạy cảm hơn với biến động lãi suất. Do đó, tỷ lệ LLCR tiếp tục duy trì ở mức cao 125.6% (-3.8ppts QoQ) dù chi phí dự phòng giảm mạnh trong quý này.

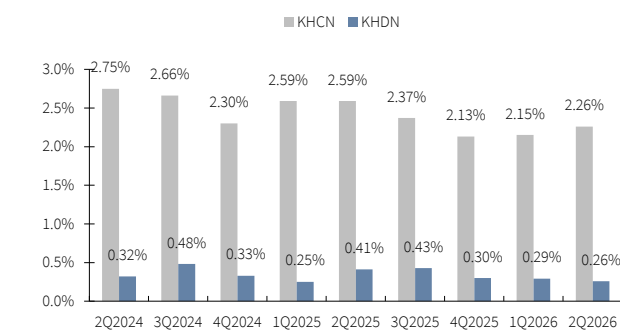
Dù vậy, chúng tôi cho rằng diễn biến chất lượng tài sản của ngân hàng trong 1H2026 vẫn chưa phản ánh đầy đủ tác động tiêu cực từ mặt bằng lãi suất neo cao lên danh mục bán lẻ. Cho nửa cuối năm, chúng tôi đánh giá rủi ro suy giảm của chất lượng tài sản sẽ tăng dần kể từ 3Q2026 với tỷ lệ nợ xấu cả năm dự kiến tăng thêm 10bps so với báo cáo kỳ trước. Đồng thời, chúng tôi nâng nhẹ dự phóng đối với chi phí trích lập dự phòng để duy trì tỷ lệ bao phủ nợ xấu ở mức cao.

Biểu đồ 8. Tỷ lệ các nhóm nợ và tỷ lệ hình thành nợ xấu



Nguồn: TCB, KBSV

Biểu đồ 9. Tỷ lệ nợ xấu theo loại khách hàng



Nguồn: TCB, KBSV

DỰ PHÓNG VÀ ĐỊNH GIÁ

Bảng 10. Dự phóng Kết quả kinh doanh

(tỷ VNĐ)	2025	2026F	% YoY	2027F	% YoY	Chú thích
Thu nhập lãi thuần (NII)	38,155	43,673	14.5%	52,199	19.5%	Tăng dự phóng tăng trưởng tín dụng 2026F-2028F nhờ kỳ vọng ngân hàng được hưởng lợi từ chính sách và giảm dự phóng NIM.
Thu ngoài lãi (NOII)	15,236	18,641	22.4%	21,913	17.5%	
Tổng thu nhập hoạt động	53,391	62,315	16.7%	74,112	18.9%	
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng RRTD	36,959	43,261	17.1%	51,599	19.3%	Điều chỉnh tăng nhẹ chi phí trích lập để duy trì bộ đệm vốn an toàn.
Chi phí trích lập dự phòng	(4,421)	(5,035)	13.9%	(5,596)	11.1%	
Lợi nhuận trước thuế	32,538	38,226	17.5%	46,003	20.3%	
NIM	3.73%	3.62%	-11bps	3.68%	6bps	Tăng dự phóng để phản ánh rủi ro lãi suất neo cao.
Lãi suất đầu ra bình quân	6.65%	7.60%	95bps	7.25%	-35bps	
Lãi suất đầu vào bình quân	3.33%	4.54%	121bps	4.09%	-45bps	
CIR	30.8%	30.6%	-20bps	30.4%	-20bps	
NPL	1.07%	1.20%	13bps	1.15%	-5bps	
Tổng tài sản	1,192,344	1,371,169	15%	1,623,264	18%	
Vốn chủ sở hữu	179,501	204,325	14%	235,211	15%	

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Định giá – Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu 38,750 VNĐ/CP

Chúng tôi kết hợp 2 phương pháp định giá là P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư để tìm ra mức giá hợp lý cho cổ phiếu TCB.

(1) Phương pháp định giá P/B

Chúng tôi duy trì mức P/B mục tiêu ở mức 1.5x, dù mặt bằng lãi suất neo cao có thể tiếp tục gây áp lực lên chi phí vốn và NIM, nhờ triển vọng tăng trưởng tín dụng và khả năng cải thiện lợi nhuận của ngân hàng tích cực.

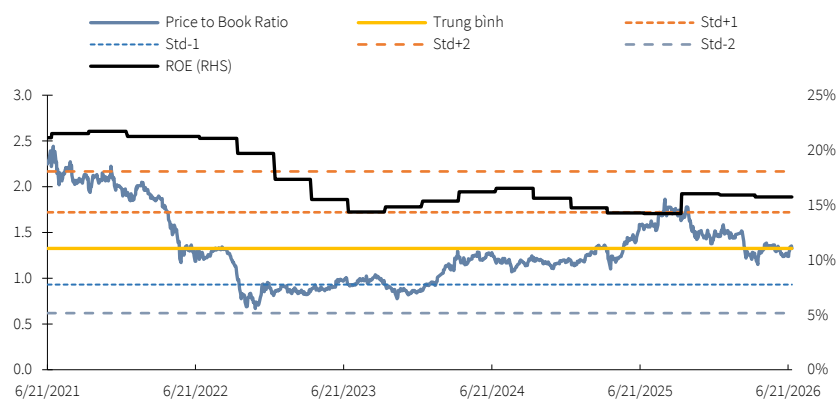
(2) Phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư

Bên cạnh đó, chúng tôi kết hợp sử dụng thêm phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư để phản ánh rủi ro hệ thống và kỳ vọng dài hạn.

Khuyến nghị MUA với cổ phiếu TCB với giá mục tiêu 38,750 VNĐ/CP - tiềm năng tăng giá 19.7% so với giá đóng cửa ngày 09/09/2026.

TCB đang giao dịch ở vùng P/B 1.2x, thấp hơn P/B trung bình 5 năm 1.33x.

Bảng 11. Diễn biến ROE và chỉ số P/B của TCB



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Bảng 12. Cổ phiếu TCB – Định giá 2026 phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư

Tỷ đồng	2026F	2027F	2028F
Lợi nhuận sau thuế	30,581	36,803	43,418
Lợi nhuận thặng dư	2,419	4,746	6,516
Chi phí vốn (re)	15.69%		
Tăng trưởng (g)	3.0%		
Giá trị cuối cùng	33,017		
Tổng giá trị hiện tại (PV)	242,977		
Giá trị cổ phiếu TCB	34,289		

Nguồn: KBSV ước tính

Bảng 13. Tổng hợp các phương pháp định giá – giá mục tiêu

Phương pháp định giá	Giá dự phóng	Tỷ trọng	Giá dự phóng theo tỷ trọng
Lợi nhuận thặng dư	34,289	50%	17,144
P/B	43,251	50%	21,626
Giá mục tiêu			38,770

Nguồn: KBSV ước tính

Techcombank (TCB) – Bảng tóm tắt KQKD & Dự phóng 2023A-2027F

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh						Bảng cân đối kế toán					
(Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F	2027F	(Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F	2027F
Thu nhập lãi thuần	27,691	35,508	38,155	43,673	52,199	Cho vay khách hàng	512,514	623,634	757,119	892,542	1,062,397
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	56,708	60,089	68,017	91,800	102,914	Chứng khoán kinh doanh	4,433	9,001	4,816	5,506	6,710
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(29,017)	(24,581)	(29,862)	(48,127)	(50,715)	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý (trừ dự trữ bắt buộc)	3,621	3,385	4,361	6,296	7,672
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	8,715	8,042	8,772	13,432	15,382	Tài sản có sinh lời	759,745	928,953	1,115,678	1,298,713	1,538,649
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác	2,434	343	1,884	2,210	3,021	Tài sản cố định và tài sản khác	92,482	55,070	83,371	80,232	93,386
Tổng thu nhập hoạt động	40,061	46,990	53,391	62,315	74,112	Tổng tài sản	849,482	978,799	1,192,344	1,371,169	1,623,264
Chi phí hoạt động	(13,252)	(15,370)	(16,432)	(19,054)	(22,513)	Tiền gửi của khách hàng	454,661	533,392	618,912	707,647	862,310
LN thuần trước CF DPRRTD	26,809	31,621	36,959	43,261	51,599	Các khoản vay phải sinh, giấy tờ có giá	84,703	141,354	217,747	232,531	275,556
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(3,921)	(4,082)	(4,421)	(5,035)	(5,596)	Các khoản nợ chịu lãi	692,537	806,997	985,965	1,132,910	1,347,783
Thu nhập khác	6,460	9,325	6,426	7,368	10,069	Các khoản nợ khác	25,329	23,862	26,877	33,935	40,271
Chi phí khác	(4,026)	(8,982)	(4,542)	(5,157)	(7,048)	Tổng nợ phải trả	717,866	830,859	1,012,843	1,166,844	1,388,054
Tổng lợi nhuận trước thuế	22,888	27,538	32,538	38,226	46,003	Vốn điều lệ	35,225	70,649	70,862	70,862	70,862
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(4,697)	(5,778)	(6,584)	(7,645)	(9,201)	Thặng dư vốn cổ phần	476	(0)	(0)	(0)	(0)
LNST	18,191	21,760	25,954	30,581	36,803	Lợi nhuận chưa phân phối	49,013	42,219	62,774	85,592	114,332
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(187)	(237)	(664)	(797)	(957)	Các khoản điều chỉnh vốn	-	-	-	-	-
LNST ngân hàng mẹ	18,004	21,523	25,290	29,784	35,846	Vốn chủ sở hữu	131,616	147,940	179,501	204,325	235,211

Chỉ số tài chính (%)	2023	2024	2025	2026F	2027F	Định giá (đồng, X, %)	2023	2024	2025	2026F	2027F
Khả năng sinh lời						Chỉ số về giá					
ROE	14.8%	15.6%	15.9%	15.9%	16.7%	EPS cơ bản	5,111	3,046	3,569	4,203	5,059
ROA	2.3%	2.4%	2.4%	2.4%	2.5%	Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	37,364	20,940	25,331	28,834	33,193
ROE trước dự phòng	17.4%	17.9%	18.0%	18.0%	18.8%	Giá trị sổ sách hữu hình/CP (Tangible BVPS)	35,841	20,106	24,515	27,911	32,150
ROA trước dự phòng	2.8%	2.7%	2.7%	2.7%	2.8%	Chỉ số định giá					
Biên lãi ròng (NIM)	4.0%	4.2%	3.7%	3.6%	3.7%	PER	5.7	9.5	8.1	7.7	6.4
Hiệu quả hoạt động						PBR	0.8	1.4	1.1	1.1	1.0
LDR thuần	114.1%	118.4%	124.0%	128.0%	125.0%	Tỷ lệ cổ tức	16.5%	19.8%	11.9%	9.3%	8.2%
CIR	33.1%	32.7%	30.8%	30.6%	30.4%	ROE	14.8%	15.6%	15.9%	15.9%	16.7%
Tốc độ tăng trưởng						An toàn vốn					
Tăng trưởng tổng tài sản	21.5%	15.2%	21.8%	15.0%	18.4%	Ti lệ an toàn vốn (CAR)	15.2%	15.4%	14.6%	>14%	>14%
Tăng trưởng cho vay khách hàng	23.3%	21.7%	21.4%	17.9%	19.0%	Chất lượng tài sản					
Tăng trưởng LN thuần trước DPRRTD	-2.5%	17.9%	16.9%	17.1%	19.3%	NPL (nợ xấu nhóm 3-5)	1.2%	1.1%	1.1%	1.2%	1.2%
Tăng trưởng LNST ngân hàng mẹ	-10.7%	19.5%	17.5%	17.8%	20.4%	Độ bao phủ nợ xấu (nợ xấu nhóm 3-5)	102.1%	113.8%	127.9%	121.9%	125.0%
Tăng trưởng EPS	-10.8%	-40.4%	17.1%	17.8%	20.4%	SML (nợ xấu và nợ cần chú ý)	2.0%	1.8%	1.6%	1.9%	1.8%
Tăng trưởng BVPS	15.9%	-44.0%	21.0%	13.8%	15.1%	Độ bao phủ nợ xấu (nợ xấu và nợ cần chú ý)	58.7%	70.0%	87.0%	77.0%	82.1%

Nguồn: TCB, KBSV ước tính

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Văn phòng, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà Vietinbank, số 93 - 95 Hàm Nghi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Hotline: 1900 1711

Email: info@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(Dựa trên kỳ vọng tăng giá trong 6 tháng tới)

Mua:	Trung lập:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(Dựa trên đánh giá triển vọng trong 6 tháng tới)

Tích cực:	Trung lập:	Tiêu cực:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin, dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Khách hàng nên độc lập cân nhắc hoàn cảnh, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.